6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*			*(25,000,000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(18,321,187)**	**(405,894,188)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**30,292,001**	**482,747,034**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**VII.34**	**11,970,814**	**76,852,846**

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Hạnh	**Nguyễn Thị Hoa Huế**	**Mai Văn Sơn**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Ghi chú :
(1) Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và "Mã số"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vianvico là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng số 2- Tầng 8 – Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư, tư vấn

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103008626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 04 năm 2006 và được thay đổi lần thứ lần 10 ngày 06 tháng 04 năm 2013 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng và kinh doanh nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- San lấp mặt bằng, bốc xúc đất đá khai thác mỏ;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, giao thông, thủy điện;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Khai thác, buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Xấy lắp các công trình điện đến 110KV;
- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí , điện, điện tử;
- Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Thiết kế tạo mẫu quảng cáo và dịch vụ thương mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty Kinh doanh;
- Ủy thác xuất nhập khẩu;
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán);
- Sản xuất, thiết kế phần mềm;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh và khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Tư vấn đầu tư khai thác mỏ;
- Cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho ngành xây dựng, khai thác mỏ (trừ dịch vụ Nhà nước cấm);
- Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình;
- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Bán buôn mô tô, xe máy;
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn ôtô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị, kinh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- ❖ Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- ❖ Lập trình máy vi tính;
- ❖ Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	05-06 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhận được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Các khoản cho vay (tổ chức và cá nhân vay theo từng khế ước vay) đơn vị ghi nhận như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.
Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ.
Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính
Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:
- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính, phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3 TIỀN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ		11,340,686
Tiền gửi ngân hàng	11,970,814	56,314,335
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	**11,970,814**	**67,655,021**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	302,325,055	302,325,055
Đầu tư ngắn hạn khác		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(61,178,355)	(61,178,355)
Cộng	**241,146,700**	**241,146,700**

6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	16,211,142,451	5,467,095,738	2,432,731,364	60,945,454		24,171,915,007
Số tăng trong kỳ	0	0	0	0	0	0
- Mua trong năm						0
- Đầu tư XDCB						0
- Tăng do ĐG khi XH						0
Số giảm trong kỳ	0	0		0		0
- Thanh lý, NBTSCĐ						0
- Giảm do ĐC TSCĐ						0
Số dư cuối kỳ	16,211,142,451	5,467,095,738	2,432,731,364	60,945,454	0	24,171,915,007
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2,903,732,600	4,725,634,589	1,649,911,932	60,945,454		9,340,224,575
Số tăng trong kỳ	720,336,756	610,716,819	258,813,588	0	0	1,589,867,163
- Khấu hao trong kỳ	720,336,756	610,716,819	258,813,588			1,589,867,163
- Tăng do ĐG khi XĐ						0
Số giảm trong kỳ	0	0	-	0		0
- Giảm do đánh giá lạ						0
- Thanh lý, NB TSCĐ						0
- Giảm do ĐC TSCĐ						0
Số dư cuối kỳ	3,624,069,356	5,336,351,408	1,908,725,520	60,945,454	0	10,930,091,738
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	13,307,409,851	741,461,149	782,819,432	0	0	14,831,690,432
Tại ngày cuối kỳ	12,587,073,095	130,744,330	524,005,844	0	0	13,241,823,269

So sánh với số liệu tại 31/12/2016

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Cộng	**11,198,548,845**	**11,647,946,547**

12 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

	Cộng	**0**

17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2017
	VND
Lãi tiền gửi	35,414
Lãi đầu tư ngắn hạn	
Lãi cổ tức nhận được	
Lãi do đánh giá lại tỷ giá	
Lãi tiền cho vay ngắn hạn	
Cộng	**35,414**

18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2017
	VND
Chi phí lãi vay	
Chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	
Chi phí đầu tư ngắn hạn	
Chi phí tài chính khác	
Cộng	**0**

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2017
	VND
Chi p hí nhân viên quản lý	
Chi phí đồ dùng văn phòng	
Thuế, phí , lệ phí	
Chi phí khấu hao TSCĐ	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Chi phí dự phòng	
Chi phí khác bằng tiền	
Cộng	**0**

20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	31/12/2017
	VND
Thu nhập chịu thuế	**(2,897,897,669)**
Thuế TNDN hiện hành 20%	
Lợi nhuận sau thuế	**(2,897,897,669)**

Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn Thị Hoa Huế	Mai Văn Sơn

M.S.D.N: 0104... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

	Cộng	**0**

17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2017
	VND
Lãi tiền gửi	35,414
Lãi đầu tư ngắn hạn	
Lãi cổ tức nhận được	
Lãi do đánh giá lại tỷ giá	
Lãi tiền cho vay ngắn hạn	
Cộng	**35,414**

18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2017
	VND
Chi phí lãi vay	
Chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	
Chi phí đầu tư ngắn hạn	
Chi phí tài chính khác	
Cộng	**0**

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2017
	VND
Chi p hí nhân viên quản lý	
Chi phí đồ dùng văn phòng	
Thuế, phí , lệ phí	
Chi phí khấu hao TSCĐ	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Chi phí dự phòng	
Chi phí khác bằng tiền	
Cộng	**0**

20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	31/12/2017
	VND
Thu nhập chịu thuế	**(2,897,897,669)**
Thuế TNDN hiện hành 20%	
Lợi nhuận sau thuế	**(2,897,897,669)**

Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn Thị Hoa Huế	Mai Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO